

Số: /KH-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai các giải pháp đáp ứng nhu cầu gửi trẻ từ 03 tháng đến 36 tháng tuổi tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2035

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27/11/2023;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Nhà giáo ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 2270/QĐ-TTg ngày 14/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non ở địa bàn đô thị, khu công nghiệp giai đoạn 2025 - 2035, định hướng đến năm 2045”;

Căn cứ Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số quy định về Điều lệ trường mầm non, tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 5834/TTr-SGDĐT ngày 11/9/2026, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Kế hoạch triển khai các giải pháp đáp ứng nhu cầu gửi trẻ từ 03 tháng đến 36 tháng tuổi tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026 - 2035, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục mầm non đối với trẻ từ 03 tháng đến 36 tháng tuổi; từng bước nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu gửi trẻ của người dân, nhất là con công nhân, người lao động tại khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu nhà ở xã hội và nơi có nhiều lao động.

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với quy hoạch, điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu thực tế; ưu tiên khắc phục tình trạng thiếu cơ sở, nhóm, lớp, chỗ gửi trẻ tại các địa bàn có nhu cầu cao.

- Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhà nước, doanh nghiệp và xã hội; đa dạng hóa các loại hình cơ sở giáo dục mầm non theo quy định, góp phần tạo điều kiện để người lao động, nhất là lao động nữ, yên tâm làm việc, ổn định đời sống.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh chuyển đổi số, khai thác dữ liệu phục vụ thống kê, dự báo nhu cầu, quy hoạch, đầu tư và phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non.

2. Yêu cầu

- Việc thực hiện Kế hoạch phải đồng bộ, thiết thực, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy hoạch phát triển thành phố và khả năng cân đối nguồn lực. Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, tiến độ và kết quả thực hiện của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm phối hợp chặt chẽ, không chồng chéo.

- Ưu tiên địa bàn thiếu cơ sở, nhóm, lớp, chỗ gửi trẻ; khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu nhà ở xã hội, khu đô thị mới và nơi có nhiều lao động. Phát triển quy mô gắn với chất lượng; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và an toàn cho trẻ theo quy định.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non theo quy định của pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá; định kỳ sơ kết, tổng kết và kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với thực tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với quy hoạch và nhu cầu thực tế; từng bước đáp ứng nhu cầu gửi trẻ từ 03 tháng đến 36 tháng tuổi, nhất là tại các địa bàn tập trung đông công nhân, người lao động; bảo đảm trẻ em được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tại các cơ sở đủ điều kiện theo quy định; góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định nguồn nhân lực và phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030

a) Đối với trẻ em

- Phân đầu tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 50%, trong đó trẻ từ 03 tháng đến 24 tháng tuổi đạt 25%.

- Phân đầu 50% trẻ nhà trẻ là con công nhân, người lao động có nhu cầu được đến trường, lớp và được tiếp cận dịch vụ giáo dục mầm non chất lượng.

- Phần đầu tỷ lệ trẻ nhà trẻ theo học tại cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập đạt 30%.

b) Đối với đội ngũ

- Bảo đảm số lượng giáo viên nhà trẻ theo quy định, phù hợp với quy mô nhóm, lớp và lộ trình phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non.

- 100% giáo viên nhà trẻ đáp ứng tiêu chuẩn trình độ đào tạo và được bồi dưỡng, cập nhật chuyên môn, nghiệp vụ hằng năm.

c) Đối với cơ sở, nhóm, lớp

Phần đầu tăng 20% số nhóm trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non và 10% cơ sở giáo dục mầm non công lập có nhóm trẻ dưới 25 tháng tuổi, trong đó tập trung tăng ở các địa bàn đông dân cư, khu nhà ở xã hội, khu, cụm công nghiệp.

2.2. Đến năm 2035

a) Đối với trẻ em

- Phần đầu tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 55%, trong đó trẻ từ 03 tháng đến 24 tháng tuổi đạt 30%.

- Phần đầu 100% trẻ nhà trẻ là con công nhân, người lao động có nhu cầu được đến trường, lớp và được tiếp cận dịch vụ giáo dục mầm non chất lượng.

- Phần đầu tỷ lệ trẻ nhà trẻ theo học tại cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập đạt 33%.

b) Đối với đội ngũ

Tiếp tục bảo đảm số lượng giáo viên nhà trẻ theo quy định, phù hợp với quy mô nhóm, lớp, lộ trình phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và được bồi dưỡng, cập nhật chuyên môn, nghiệp vụ hằng năm.

c) Đối với cơ sở, nhóm, lớp

Phần đầu tăng 25% số nhóm trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non và 20% cơ sở giáo dục mầm non công lập có nhóm trẻ dưới 25 tháng tuổi.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Rà soát, dự báo nhu cầu và phát triển mạng lưới

- Rà soát số trẻ từ 03 tháng đến 36 tháng tuổi, nhu cầu gửi trẻ, số chỗ hiện có và số chỗ còn thiếu tại từng địa bàn. Hằng năm cập nhật số liệu dân cư, số trẻ trong độ tuổi nhà trẻ, biến động dân số, tình hình phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu nhà ở xã hội và các dự án phát triển dân cư để dự báo nhu cầu trường, lớp, chỗ gửi trẻ.

- Rà soát mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non gắn với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển kinh tế - xã hội; đề xuất điều chỉnh, bổ sung hoặc đầu tư theo thẩm quyền. Ưu tiên phát triển mạng lưới tại địa bàn thiếu cơ sở, nhóm, lớp, chỗ gửi trẻ và địa bàn có tốc độ tăng dân số cơ học cao.

- Bố trí quỹ đất giáo dục mầm non trong quá trình lập, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch, dự án phát triển đô thị, khu nhà ở xã hội, khu dân cư, khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định.

2. Phát triển hài hòa cơ sở giáo dục mầm non công lập và ngoài công lập

- củng cố, nâng cao năng lực hệ thống cơ sở giáo dục mầm non công lập, ưu tiên các địa bàn còn thiếu trường, lớp, chỗ gửi trẻ và các khu vực có nhu cầu cao. Rà soát, đề xuất sử dụng cơ sở vật chất, tài sản công dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính để phục vụ giáo dục mầm non phù hợp với quy hoạch, nhu cầu và quy định của pháp luật.

- Tạo điều kiện phát triển cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, nhóm trẻ độc lập theo quy định của pháp luật, phù hợp với nhu cầu gửi trẻ và điều kiện thực tế của từng địa bàn; ưu tiên khu vực tập trung đông công nhân, người lao động. Rà soát, đơn giản hóa và hướng dẫn thực hiện các thủ tục liên quan đến thành lập, cho phép hoạt động cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập theo quy định; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

- Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng trường mầm non, nhà trẻ; phát triển các mô hình nhóm trẻ độc lập tự thực thông qua chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, đầu tư và hỗ trợ hoạt động; đặc biệt ở những địa bàn đông dân cư, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu nhà ở xã hội, địa bàn chưa có nhóm trẻ dưới 25 tháng tuổi nhằm đáp ứng nhu cầu gửi trẻ linh hoạt của người lao động. Khuyến khích đa dạng hóa các loại hình cung ứng dịch vụ giáo dục mầm non, bảo đảm phù hợp với nhu cầu của người dân, khả năng tiếp cận dịch vụ và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng địa bàn.

3. Đáp ứng nhu cầu gửi trẻ tại khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu nhà ở xã hội

- Rà soát, xác định nhu cầu gửi trẻ của con công nhân, người lao động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu nhà ở xã hội, khu đô thị và khu dân cư tập trung; xác định số trẻ, số chỗ gửi trẻ hiện có và số chỗ còn thiếu làm cơ sở phát triển mạng lưới.

- Gắn phát triển cơ sở giáo dục mầm non với quy hoạch, đầu tư hạ tầng xã hội tại khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu nhà ở xã hội, khu đô thị và các dự án phát triển dân cư; bảo đảm quỹ đất và điều kiện cần thiết để phát triển cơ sở giáo dục mầm non theo quy định. Ưu tiên đầu tư, bố trí trường, lớp, nhóm trẻ tại các địa bàn có số lượng công nhân, người lao động lớn, tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ thấp hoặc thiếu chỗ gửi trẻ; từng bước thu hẹp khoảng cách giữa nhu cầu và khả năng đáp ứng.

- Đối với các dự án nhà ở xã hội đã có quy hoạch trường, lớp mầm non, yêu cầu đẩy nhanh tiến độ xây dựng theo quy hoạch để đáp ứng nhu cầu gửi trẻ. Nghiên cứu, tổ chức các hình thức chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ phù hợp với đặc thù thời gian làm việc của người lao động, nhất là lao động làm việc theo ca, kíp; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ, thời gian hoạt động và an toàn cho trẻ theo quy định.

4. Phát huy vai trò của doanh nghiệp trong đáp ứng nhu cầu gửi trẻ của người lao động

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, xây dựng cơ sở giáo dục mầm non trong khuôn viên doanh nghiệp hoặc tại khu nhà ở dành cho người lao động để tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người lao động theo quy định của pháp luật, qua đó trực tiếp góp phần giải quyết nhu cầu gửi trẻ phù hợp với điều kiện thực tế. Đối với doanh nghiệp chưa có điều kiện đầu tư, khuyến khích liên kết, hợp tác với cơ sở giáo dục mầm non đủ điều kiện trên địa bàn để bố trí chỗ gửi trẻ cho con người lao động, phù hợp với nhu cầu, quy mô lao động và điều kiện hoạt động của doanh nghiệp.

- Khuyến khích doanh nghiệp chi trả toàn bộ hoặc hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ cho con người lao động; ưu tiên hỗ trợ đối với lao động có hoàn cảnh khó khăn, lao động làm việc theo ca, kíp và các trường hợp có nhu cầu gửi trẻ dưới 36 tháng tuổi. Khuyến khích doanh nghiệp phối hợp với chính quyền địa phương, cơ sở giáo dục mầm non và tổ chức công đoàn trong khảo sát nhu cầu, lựa chọn hình thức hỗ trợ và tổ chức thực hiện; bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ được thực hiện tại cơ sở đủ điều kiện, an toàn và đúng quy định.

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế, Liên đoàn Lao động thành phố và các địa phương rà soát, khảo sát, đánh giá các mô hình doanh nghiệp tham gia hỗ trợ, đầu tư hoặc liên kết tổ chức gửi trẻ đang triển khai hiệu quả; lựa chọn mô hình phù hợp để hướng dẫn, tuyên truyền và nhân rộng trên địa bàn thành phố.

5. Phát triển đội ngũ, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

- Rà soát nhu cầu giáo viên theo quy mô nhóm, lớp và lộ trình phát triển mạng lưới; chủ động phương án tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền. Ưu tiên phát triển đội ngũ đáp ứng yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ dưới 36 tháng tuổi.

- Tăng cường bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chăm sóc trẻ nhỏ, dinh dưỡng, sức khỏe, an toàn, phòng chống tai nạn thương tích, bạo hành trẻ em và thực hiện quyền trẻ em. Quan tâm điều kiện làm việc, môi trường nghề nghiệp; nghiên cứu giải pháp thu hút, giữ chân giáo viên tại địa bàn có nhu cầu cao.

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non; chăm sóc, nuôi dưỡng, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, phòng cháy, chữa cháy, tai nạn thương tích và bạo hành trẻ em.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu và dự báo nhu cầu

- Xây dựng, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu về trẻ em trong độ tuổi mầm non; tăng cường kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo thẩm quyền; bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Ứng dụng công nghệ số trong thống kê, dự báo nhu cầu gửi trẻ, quy hoạch mạng lưới và quản lý cơ sở giáo dục mầm non. Từng bước thực hiện cập nhật dữ liệu một lần, khai thác nhiều lần; giảm trùng lặp giữa hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử theo quy định.

7. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và huy động nguồn lực

- Rà soát các cơ chế, chính sách hiện hành về phát triển giáo dục mầm non; đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành chính sách phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện của thành phố. Nghiên cứu chính sách khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục mầm non tại khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu nhà ở xã hội và nơi có nhiều lao động.

- Huy động nguồn lực hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế và cộng đồng để phát triển giáo dục mầm non. Việc huy động, tiếp nhận và sử dụng nguồn lực phải công khai, minh bạch, đúng quy định, không làm phát sinh khoản đóng góp trái quy định đối với cha mẹ trẻ.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch

Tổng kinh phí dự kiến để thực hiện mục tiêu Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2035: 963,544 tỷ đồng (Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi ba tỷ, năm trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

Trong đó:

a) Kinh phí đầu tư phòng học và mua sắm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu: 957,110 tỷ đồng.

Phần kinh phí này đã được bố trí trong Đề án “Phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” được phê duyệt tại Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Kế hoạch “Đảm bảo cơ sở vật chất cho các trường mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030” được phê duyệt tại Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 16/4/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

b) Kinh phí bồi dưỡng giáo viên: 6,434 tỷ đồng.

Phần kinh phí bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên do ngân sách thành phố bảo đảm theo quy định. Việc bố trí, huy động và sử dụng kinh phí bảo đảm không trùng lặp với nguồn kinh phí đã được bố trí cho cùng nhiệm vụ trong các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án khác.

2. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2035

3. Phân kỳ đầu tư

a) Giai đoạn 2026 - 2030

Đầu tư phòng học, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu: 765,915 tỷ đồng.

Kinh phí bồi dưỡng giáo viên: 3,142 tỷ đồng.

b) Giai đoạn 2031 - 2035

Đầu tư phòng học, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu: 191,195 tỷ đồng.

Kinh phí bồi dưỡng giáo viên: 3,292 tỷ đồng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Kế hoạch; chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định; kịp thời tham mưu xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Rà soát, dự báo nhu cầu gửi trẻ từ 03 tháng đến 36 tháng tuổi; phối hợp xây dựng, cập nhật dữ liệu phục vụ phát triển mạng lưới. Chủ trì tham mưu phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với quy hoạch và nhu cầu thực tế; xác định địa bàn ưu tiên.

- Chủ trì rà soát nhu cầu đội ngũ; tham mưu về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, sử dụng và quản lý đội ngũ; công tác tuyển dụng, hợp đồng giáo viên theo thẩm quyền. Tổng hợp nhu cầu trường, lớp và cơ sở vật chất; phối hợp tham mưu giải pháp đầu tư, huy động nguồn lực. Hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tổ chức bồi dưỡng đội ngũ.

- Nghiên cứu, tham mưu cơ chế, chính sách về giáo dục mầm non theo thẩm quyền; đối với nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố hoặc cơ quan Trung ương, xây dựng hồ sơ, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét.

- Chủ trì khảo sát, đánh giá và đề xuất nhân rộng các mô hình doanh nghiệp đầu tư, hỗ trợ hoặc liên kết với cơ sở giáo dục mầm non để đáp ứng nhu cầu gửi trẻ của con công nhân, người lao động.

- Chủ trì tổ chức sơ kết giai đoạn 2026 - 2030, tổng kết giai đoạn 2026 - 2035; trên cơ sở kết quả thực hiện và tình hình thực tế, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh Kế hoạch khi cần thiết.

2. Sở Nội vụ

Phối hợp tham mưu về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, sử dụng và quản lý đội ngũ; giám sát công tác tuyển dụng; kiểm tra hợp đồng giáo viên theo quy định.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp tham mưu cân đối, bố trí nguồn lực thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách hằng năm và quy định của pháp luật.

4. Sở Xây dựng

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng, kiến trúc, hoạt động xây dựng và nhà ở theo quy định. Trong quá trình thẩm định dự án, thiết kế xây dựng thuộc thẩm quyền, kiểm tra việc bố trí cơ sở giáo dục mầm non trong các dự án khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở, khu nhà ở xã hội theo quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hồ sơ dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan, địa phương rà soát, đề xuất điều chỉnh quy hoạch, chủ trương đầu tư dự án (nếu cần thiết) để bổ sung quỹ đất, diện tích sàn phục vụ chức năng giáo dục mầm non tại các khu vực có nhu cầu theo quy định.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp thực hiện các nội dung về đất đai, môi trường; tham mưu bố trí, quản lý, sử dụng quỹ đất giáo dục theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật.

6. Sở Y tế

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các cơ sở y tế phối hợp với cơ sở giáo dục mầm non triển khai thực hiện nội dung chuyên môn về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và các nhiệm vụ khác của Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ.

7. Sở Công Thương

- Cung cấp thông tin về tình hình phát triển các cụm công nghiệp, số lượng doanh nghiệp, số lao động tại các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tuyên truyền, vận động, khuyến khích doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp quan tâm, hỗ trợ người lao động trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em; khuyến khích doanh nghiệp tham gia xã hội hóa, hỗ trợ đầu tư, xây dựng hoặc phối hợp đầu tư cơ sở giáo dục mầm non phục vụ con công nhân, người lao động phù hợp với điều kiện thực tế và theo quy định của pháp luật.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp đánh giá, thẩm định các giải pháp kỹ thuật, công nghệ trong quá trình triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, Cổng Thông tin điện tử thành phố và hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách phát triển giáo dục mầm non, đáp ứng nhu cầu gửi trẻ từ 03 tháng đến 36 tháng tuổi giai đoạn 2026 - 2035.

- Lồng ghép nội dung tuyên truyền về chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 36 tháng tuổi trong các chương trình, kế hoạch về công tác gia đình, xây dựng gia đình văn hóa, tổ dân phố văn hóa và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tại địa phương.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tuyên truyền, giới thiệu, nhân rộng các mô hình cơ sở giáo dục mầm non, nhóm trẻ hoạt động hiệu quả và các điển hình, tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực trong phát triển mạng lưới giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố.

10. Sở Tư pháp

Phối hợp tham gia ý kiến, thực hiện thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố (nếu có).

11. Ban Quản lý Khu kinh tế

- Chủ trì rà soát nhu cầu gửi trẻ là con công nhân, người lao động tại khu kinh tế, khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

- Cung cấp thông tin về quy hoạch, dự án, số lượng lao động và tình hình phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp phục vụ dự báo nhu cầu. Phối hợp đề xuất phát triển cơ sở giáo dục mầm non tại địa bàn có nhu cầu cao.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo khảo sát, đánh giá các doanh nghiệp đang thực hiện mô hình đầu tư, hỗ trợ hoặc liên kết cơ sở giáo dục mầm non; vận động doanh nghiệp áp dụng, nhân rộng mô hình phù hợp.

- Tuyên truyền, vận động doanh nghiệp quan tâm đầu tư cơ sở giáo dục mầm non hoặc hỗ trợ người lao động có con trong độ tuổi nhà trẻ.

12. Công an thành phố

Phối hợp khai thác, sử dụng dữ liệu dân cư phục vụ thống kê, dự báo số trẻ trong độ tuổi nhà trẻ theo thẩm quyền; bảo đảm đúng mục đích, phạm vi và quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện Kế hoạch; tham gia khảo sát nhu cầu gửi trẻ, huy động nguồn lực và giám sát việc thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo quy định.

14. Đề nghị Liên đoàn Lao động thành phố

- Phối hợp khảo sát nhu cầu gửi trẻ của công nhân, người lao động; tuyên truyền, vận động doanh nghiệp chăm lo cho con của người lao động; phối hợp huy động nguồn lực phát triển giáo dục mầm non tại khu công nghiệp.

- Phối hợp khảo sát, giới thiệu các doanh nghiệp đang thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí gửi trẻ hoặc hỗ trợ cơ sở giáo dục mầm non để đánh giá, tuyên truyền và nhân rộng mô hình phù hợp.

15. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động phối hợp thực hiện Kế hoạch; lồng ghép nhiệm vụ vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

16. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền. Lồng ghép nhiệm vụ phát triển giáo dục mầm non vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm.

- Rà soát số trẻ từ 03 tháng đến 36 tháng tuổi, nhu cầu gửi trẻ, số chỗ hiện có, số chỗ thiếu và dự báo nhu cầu giai đoạn 2026 - 2035. Chủ động đề xuất phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với quy hoạch, nhu cầu và khả năng cân đối nguồn lực.

- Tạo điều kiện phát triển cơ sở giáo dục mầm non công lập, ngoài công lập theo quy định; quản lý các cơ sở thuộc thẩm quyền.

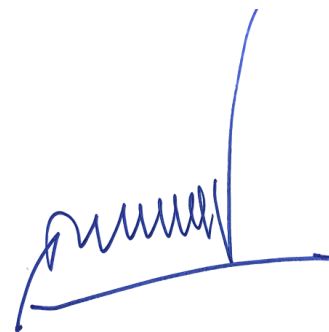
- Huy động nguồn lực hợp pháp; phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn. Chủ động rà soát, vận động doanh nghiệp, người sử dụng lao động trên địa bàn thực hiện các hình thức hỗ trợ gửi trẻ cho con công nhân, người lao động; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo cung cấp thông tin, đánh giá và đề xuất nhân rộng các mô hình phù hợp.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND thành phố (báo cáo);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Phòng NV&KTGS;
- Lưu: VT, L.Th.Hiền.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Trọng Đức